

TRƯỜNG THCS THẠCH BÀN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 7

Mã đề 701

Thời gian: 90 phút

Ngày thi: 03 tháng 11 năm 2023

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm). Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

Hãy chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất rồi ghi vào bài làm.

Câu 1. Kết quả phép tính $0,5 + \frac{3}{-4}$ là

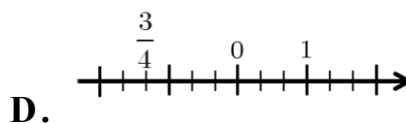
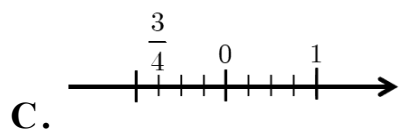
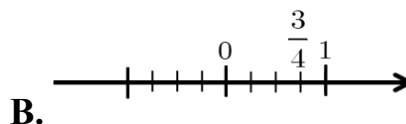
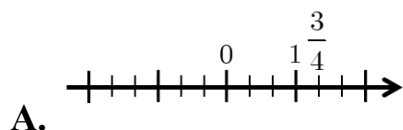
A. $\frac{7}{4}$

B. $\frac{1}{4}$

C. $\frac{-1}{4}$

D. $\frac{-19}{8}$

Câu 2. Cách biểu diễn số $\frac{3}{4}$ trên trục số nào dưới đây đúng?



Câu 3. Tập hợp số hữu tỉ được kí hiệu là

A. $\mathbb{N}$

B. $\mathbb{Z}$

C. $\mathbb{N}^*$

D. $\mathbb{Q}$

Câu 4. Giá trị của $(2^3)^2$ bằng

A. 4

B. 8

C. 64

D. 16

Câu 5. Trong các số hữu tỉ $\frac{-1}{2}; \frac{-3}{4}; 0; 1; \frac{1}{2}; \frac{4}{3}$, có bao nhiêu số hữu tỉ dương?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 6. Điền kí hiệu thích hợp vào ô trống: $-\frac{7}{6} \square \mathbb{Q}$

A. $\in$

B. $\notin$

C. $=$

D. $<$

Câu 7. Số nghịch đảo của số $-0,7$ là

A. 0,7

B. $\frac{-7}{10}$

C. $-\frac{10}{7}$

D. $\frac{10}{7}$

Câu 8. Kết quả của phép tính $\left(\frac{-3}{4}\right)^8 \cdot \left(\frac{-3}{4}\right)^2$ là

A. $\left(\frac{-3}{4}\right)^6$

B. $\left(\frac{-3}{4}\right)^{10}$

C. $\left(\frac{-3}{4}\right)^4$

D. $\left(\frac{-3}{4}\right)^{16}$

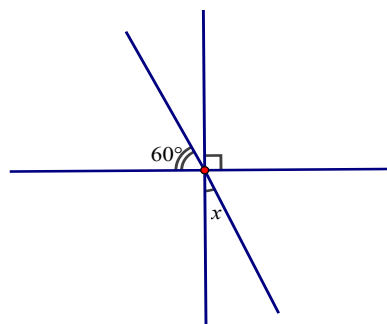
Câu 9. Tìm số đo x trong hình vẽ bên cạnh.

A. 90°

B. 60°

C. 45°

D. 30°



Câu 10. Hình lăng trụ đứng tam giác có số cạnh là

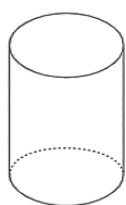
A. 8

B. 12

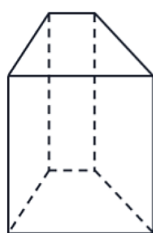
C. 9

D. 10

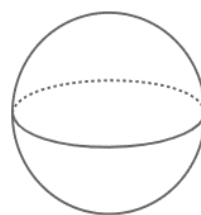
Câu 11. Hình nào sau đây là hình lăng trụ đứng tứ giác?



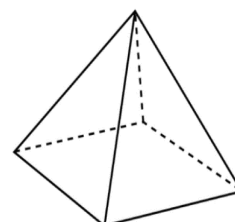
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

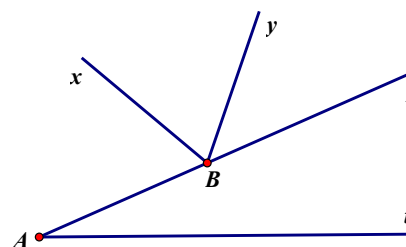
Câu 12. Cho hình bên. Hãy chọn khẳng định đúng.

A. $\widehat{xBy}$ và $\widehat{yBz}$ là hai góc kề nhau.

B. $\widehat{xBz}$ và $\widehat{yBz}$ là hai góc kề bù.

C. $\widehat{yBz}$ và $\widehat{zAt}$ là hai góc kề nhau.

D. $\widehat{ABz}$ và $\widehat{xBz}$ là hai góc đối đỉnh.



II. TỰ LUẬN (7,0 điểm).

Bài 1. (2,5 điểm) Thực hiện phép tính (tính hợp lý nếu có thể):

a) $\frac{5}{6} + \frac{-11}{30} + \frac{7}{5}$

b) $\left(\frac{-4}{5}\right)^2 \cdot \frac{57}{2} + \frac{-7}{2} \cdot \left(\frac{-4}{5}\right)^2$

c) $\left(\frac{7}{25} - 1\frac{2}{9}\right) - \left(\frac{23}{54} - \frac{18}{25}\right) + \frac{-31}{54}$

Bài 2. (2 điểm) Tìm x , biết:

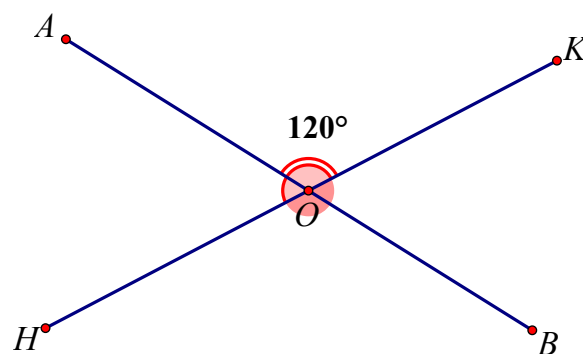
a) $\frac{5}{2} - x = \frac{27}{8}$.

b) $\frac{-1}{3} + \frac{4}{10}x = 0,2$.

c) $(3x + 2)^2 = \frac{25}{49}$

Bài 3. (0,5 điểm) Cho hình vẽ bên.

Tính góc $\widehat{AOH}$ biết $\widehat{AOK} = 120^\circ$



Bài 4. (1,5 điểm). Một bể bơi có dạng một hình hộp chữ nhật có chiều dài 8 m; chiều rộng 4 m; chiều sâu 0,5 m.

- Tính thể tích của bể bơi.
- Khi bể bơi không chứa nước, người ta cho một máy bơm, bơm nước vào bể mỗi phút bơm được 50 lít nước. Hỏi sau 5 giờ 5 phút bể đã đầy nước hay chưa?

Bài 5. (0,5 điểm). So sánh $A = \frac{7^{2011} + 2}{7^{2012} + 2}$ và $B = \frac{7^{2023} + 2}{7^{2024} + 2}$

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ I. NĂM HỌC 2023 - 2024
Môn: Toán 7 - Mã đề 701

I. TNKQ (3 điểm): Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	B	D	C	B	A	C	B	D	C	B	A

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm):

Bài	Ý	Nội dung	Điểm
Bài 1 (2,5 điểm)	a	$\frac{5}{6} + \frac{-11}{30} + \frac{7}{5}$ $= \frac{25}{30} + \frac{-11}{30} + \frac{42}{30}$ $= \frac{56}{30} = \frac{28}{15}$	 0,5 0,5
	b	$\left(\frac{-4}{5}\right)^2 \cdot \frac{57}{2} + \frac{-7}{2} \cdot \left(\frac{-4}{5}\right)^2$ $= \left(\frac{-4}{5}\right)^2 \cdot \left(\frac{57}{2} + \frac{-7}{2}\right)$ $= \frac{16}{25} \cdot \frac{50}{2} = 16.$	 0,5 0,5
	c	$\left(\frac{7}{25} - 1\frac{2}{9}\right) - \left(\frac{23}{54} - \frac{18}{25}\right) + \frac{-31}{54}$ $= \frac{7}{25} - 1\frac{2}{9} - \frac{23}{54} + \frac{18}{25} + \frac{-31}{54}$ $= \left(\frac{7}{25} + \frac{18}{25}\right) + \left(\frac{-31}{54} + \frac{-23}{54}\right) - 1\frac{2}{9}$ $= 1 + (-1) - \frac{11}{9} = \frac{-11}{9}.$	 0,25 0,25
Bài 2 (2đ)	a	$\frac{5}{2} - x = \frac{27}{8}$ $x = \frac{5}{2} - \frac{27}{8}$ $x = \frac{20}{8} - \frac{27}{8}$ $x = \frac{-7}{8}$ Vậy $x = \frac{-7}{8}$	 0,25 0,25

Bài 3 (0,5đ)		Có: $\widehat{AOH}$ và $\widehat{AOK}$ là 2 góc kề bù nên $\widehat{AOH} + \widehat{AOK} = 180^\circ$ $\widehat{AOH} + 120^\circ = 180^\circ$ $\widehat{AOH} = 180^\circ - 120^\circ$ $\widehat{AOH} = 60^\circ$	0,25
			0,25
Bài 4 (1,5đ)	a	Thể tích của bể bơi là: $8.4.0,5 = 16 \text{ (m}^3\text{)}$.	1
	b	Đổi: $16 \text{ (m}^3\text{)} = 16000 \text{ (dm}^3\text{)} = 16000 \text{ (l)}$ Lượng nước máy bơm vào bể sau 5 giờ 5 phút (bằng 305 phút) là: $50.305 = 15250 \text{ (l)}$ Vì: $15250 < 16000$ Vậy nên sau 5 giờ 5 phút bể vẫn chưa đầy nước.	0,5
Bài 5 (0,5đ)		$A = \frac{7^{2011} + 2}{7^{2012} + 2} \Rightarrow 7.A = \frac{7^{2012} + 14}{7^{2012} + 2} = 1 + \frac{12}{7^{2012} + 2}$ $B = \frac{7^{2023} + 2}{7^{2024} + 2} \Rightarrow 7.B = \frac{7^{2024} + 14}{7^{2024} + 2} = 1 + \frac{12}{7^{2024} + 2}$ Có $7^{2012} + 2 < 7^{2024} + 2 \Rightarrow \frac{12}{7^{2012} + 2} > \frac{12}{7^{2024} + 2}$ Nên $A > B$	0,25đ
			0,25đ

Ghi chú: Mọi cách giải khác đúng, phù hợp với chương trình đều chấm điểm tối đa.

BGH DUYỆT

TTCM

NCTM

NGƯỜI RA ĐỀ

Đào Thị Thanh Loan Nguyễn Thu Huyền Hoàng Hà My

TRƯỜNG THCS THẠCH BÀN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 7

Mã đề 702

Thời gian: 90 phút

Ngày thi: 03 tháng 11 năm 2023

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm). Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

Hãy chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất rồi ghi vào bài làm.

Câu 1. Tập hợp các số hữu tỉ kí hiệu là

- A. $\mathbb{Z}$ B. $\mathbb{N}^*$ C. $\mathbb{Q}$ D. $\mathbb{N}$

Câu 2. Điền kí hiệu thích hợp vào ô trống. $-\frac{2}{7} \square \mathbb{Z}$

- A. $\in$ B. $\notin$ C. $=$ D. $<$

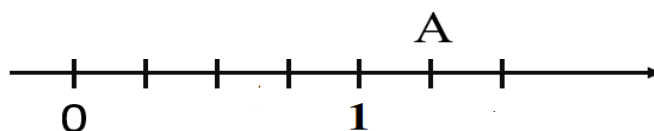
Câu 3. Chọn khẳng định **đúng** trong các khẳng định sau.

- A. Số hữu tỉ âm nhỏ hơn số hữu tỉ dương.
B. Số 0 là số hữu tỉ dương.
C. Số nguyên âm không phải là số hữu tỉ âm.
D. Tập hợp $\mathbb{Q}$ gồm các số hữu tỉ dương và các số hữu tỉ âm.

Câu 4. Cho các số. $3\frac{2}{5}; -\frac{2}{7}; \frac{5}{0}; 0,625$. Hãy cho biết số nào không phải là số hữu tỉ?

- A. 0,625 B. $\frac{5}{0}$ C. $-\frac{2}{7}$ D. $3\frac{2}{5}$

Câu 5. Quan sát trục số dưới và cho biết điểm A biểu diễn số hữu tỉ nào?



- A. $\frac{2}{3}$ B. $\frac{4}{5}$ C. $\frac{5}{4}$ D. $\frac{7}{8}$

Câu 6. Trong các mệnh đề sau, mệnh đề nào **sai**?

- A. $\frac{-21}{19} > \frac{-5}{19}$ B. $\frac{-1}{5} = -0,2$ C. $\frac{17}{12} > \frac{4}{3}$ D. $2\frac{4}{5} < 3\frac{1}{5}$

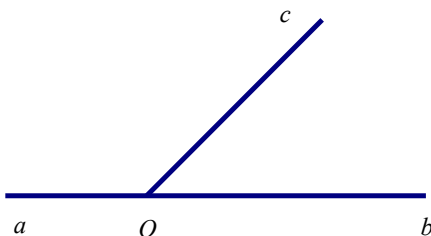
Câu 7. Kết quả của phép tính $\left(\frac{-4}{5}\right)^2 \cdot \left(\frac{-4}{5}\right)^3$ là

- A. $\left(\frac{-4}{5}\right)^5$ B. $\left(\frac{-4}{5}\right)^9$ C. $\left(\frac{-4}{5}\right)^2$ D. $\left(\frac{-4}{5}\right)^{18}$

Câu 8. Cho $A = \frac{3}{n-2}$. Tìm điều kiện của số nguyên n để D là một số hữu tỉ.

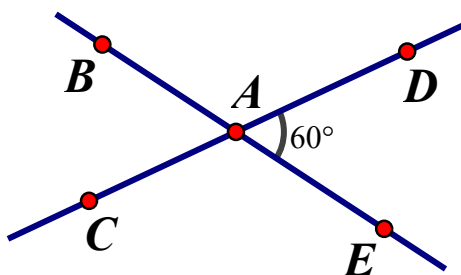
- A. $n > 2$ B. $n < 2$ C. $n = 2$ D. $n \neq 2$

Câu 9. Cho hình vẽ dưới. Khẳng định nào sau đây là **SAI**?



- A. Hai góc aOc và cOb là hai góc kề nhau
 B. Hai góc aOc và cOb là hai góc bù nhau.
 C. Hai góc aOc và cOb là hai góc kề nhau và có tổng số đo bằng 90°
 D. Hai góc aOc và cOb là hai góc kề nhau và có tổng số đo bằng 180° .

Câu 10. Góc BAC có số đo bằng bao nhiêu độ?



- A. 90° B. 60° C. 45° D. 30°

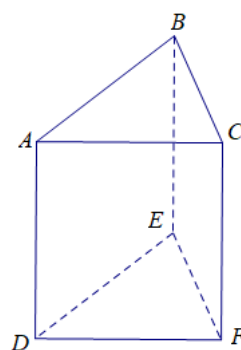
Câu 11. Hình nào sau đây là hình lăng trụ đứng?



- A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

Câu 12. Cho lăng trụ đứng tam giác ABC.DEF. Các mặt bên của lăng trụ là

- A. ABC; DEF
 B. ABC; DEF; ACFD
 C. ABED; BCFE
 D. ABED; BCFE; ACFD



II. TỰ LUẬN (7,0 điểm).

Bài 1. (2,5 điểm) Thực hiện phép tính (tính hợp lý nếu có thể):

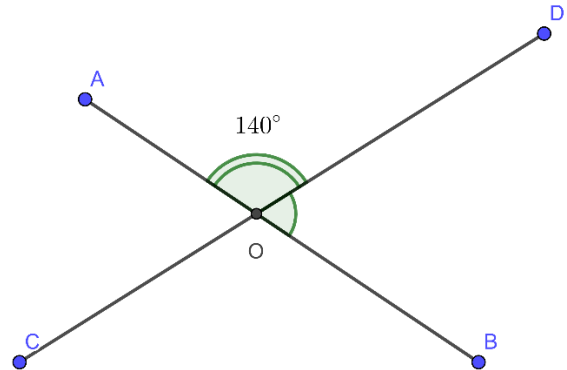
a) $\frac{7}{3} + \frac{-8}{12} + \frac{5}{4}$. b) $\left(\frac{-2}{3}\right)^2 \cdot \frac{67}{4} + \frac{-7}{4} \cdot \left(\frac{-2}{3}\right)^2$. c) $\left(\frac{6}{23} - \frac{6}{33}\right) - \left(\frac{27}{33} - \frac{17}{23}\right) + 2\frac{4}{7}$.

Bài 2. (2 điểm) Tìm x , biết:

a) $\frac{6}{7} - x = \frac{12}{28}$. b) $\frac{-5}{3} + \frac{7}{10}x = 0,2$. c) $(2x + 6)^2 = \frac{81}{25}$.

Bài 3. (0,5 điểm) Cho hình vẽ bên.

Tính góc $\widehat{DOB}$ biết $\widehat{AOD} = 140^\circ$.



Bài 4. (1,5 điểm). Một bể chứa nước hình hộp chữ nhật có chiều dài 3 m; chiều rộng 1,8 m; chiều cao 1,2 m.

- a) Tính thể tích của bể nước.
b) Khi bể không chứa nước, người ta cho một máy bơm, bơm nước vào bể mỗi phút bơm được 30 lít nước. Hỏi sau 3 giờ 15 phút bể đã đầy nước hay chưa?

Bài 5. (0,5 điểm). So sánh $A = \frac{7^{2021} + 3}{7^{2022} + 3}$ và $B = \frac{7^{2023} + 3}{7^{2024} + 3}$.

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ I. NĂM HỌC 2023 - 2024
Môn: Toán 7 - Mã đề 702

I. TNKQ (3 điểm): Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	B	A	B	C	A	A	D	C	B	A	D

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài	Ý	Nội dung	Điểm
Bài 1 (2,5 điểm)	a	$\frac{7}{3} + \frac{-8}{12} + \frac{5}{4}$ $= \frac{28}{12} + \frac{-8}{12} + \frac{15}{12}$ $= \frac{35}{12}.$	 0,5 0,5
	b	$\left(\frac{-2}{3}\right)^2 \cdot \frac{67}{4} + \frac{-7}{4} \cdot \left(\frac{-2}{3}\right)^2$ $= \left(\frac{-2}{3}\right)^2 \cdot \left(\frac{67}{4} + \frac{-7}{4}\right)$ $= \frac{4}{9} \cdot \frac{60}{4} = \frac{60}{9} = \frac{20}{3}.$	 0,5 0,5
	c	$\left(\frac{6}{23} - \frac{6}{33}\right) - \left(\frac{27}{33} - \frac{17}{23}\right) + 2\frac{4}{7}$ $= \frac{6}{23} - \frac{6}{33} - \frac{27}{33} + \frac{17}{23} + 2\frac{4}{7}$ $= \left(\frac{6}{23} + \frac{17}{23}\right) + \left(\frac{-6}{33} + \frac{-27}{33}\right) + 2\frac{4}{7}$ $= 1 + (-1) + 2\frac{4}{7} = 2\frac{4}{7}$	 0,25 0,25
Bài 2 (2đ)	a	$\frac{6}{7} - x = \frac{12}{28}$ $x = \frac{6}{7} - \frac{12}{28}$ $x = \frac{24}{28} - \frac{12}{28}$ $x = \frac{12}{28} = \frac{3}{7}$	 0,25 0,25

		Vậy $x \in \left\{ \frac{-39}{10}; \frac{-21}{10} \right\}$.	
Bài 3 (0,5đ)		Có: $\widehat{AOD}$ và $\widehat{DOB}$ là 2 góc kề bù nên $\widehat{AOD} + \widehat{DOB} = 180^\circ$ $140^\circ + \widehat{DOB} = 180^\circ$ $\widehat{DOB} = 180^\circ - 140^\circ$ $\widehat{DOB} = 40^\circ$.	0,25
			0,25
Bài 4 (1,5đ)	a	Thể tích của bể nước là: $3.1,8.1,2 = 6,48 (\text{m}^3)$	1
	b	Đổi: $6,48 (\text{m}^3) = 6480 (\text{dm}^3) = 6480 (l)$ Lượng nước máy bơm vào bể sau 3 giờ 15 phút (bằng 195 phút) là: $30.195 = 5850 (l)$ Vì: $5850 < 6480$ Vậy nên sau 3 giờ 15 phút bể vẫn chưa đầy nước.	0,5
Bài 5 (0,5đ)		$A = \frac{7^{2021} + 3}{7^{2022} + 3} \Rightarrow 7.A = \frac{7^{2022} + 21}{7^{2022} + 3} = 1 + \frac{18}{7^{2022} + 3}$ $B = \frac{7^{2023} + 3}{7^{2024} + 3} \Rightarrow 7.B = \frac{7^{2024} + 21}{7^{2024} + 3} = 1 + \frac{18}{7^{2024} + 3}$ Có $7^{2022} + 3 < 7^{2024} + 3 \Rightarrow \frac{18}{7^{2022} + 3} > \frac{18}{7^{2024} + 3}$ Nên $A > B$	0,25đ
			0,25đ

Ghi chú: Mọi cách giải khác đúng, phù hợp với chương trình đều chấm điểm tối đa.

BGH DUYỆT

TTCM

NCTM

NGƯỜI RA ĐỀ

Đào Thị Thanh Loan Nguyễn Thu Huyền Trần T. Minh Trang

TRƯỜNG THCS THẠCH BÀN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 7

Mã đề 703

Thời gian: 90 phút

Ngày thi: 03 tháng 11 năm 2023

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm). *Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm*

Hãy chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất rồi ghi vào bài làm

Câu 1. Tập hợp các số hữu tỉ kí hiệu là

- A. $\mathbb{N}$ B. $\mathbb{Q}$ C. $\mathbb{N}^*$ D. $\mathbb{Z}$

Câu 2. Điền kí hiệu thích hợp vào ô trống: $-\frac{7}{6} \square \mathbb{Q}$

- A. $\in$ B. $\notin$ C. $=$ D. $<$

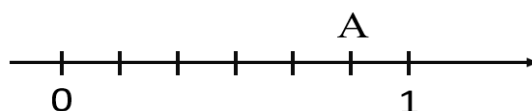
Câu 3. Cho các số sau: $3\frac{2}{5}$; $-\frac{2}{7}$; $\frac{3}{0}$; 0,625. Hãy cho biết số nào không phải là số hữu tỉ?

- A. $\frac{3}{0}$ B. 0,625 C. $-\frac{2}{7}$ D. $3\frac{2}{5}$

Câu 4. Số lớn nhất trong dãy số sau: $-\frac{16}{17}$; $\frac{6}{17}$; $-\frac{3}{17}$; $\frac{4}{17}$ là

- A. $\frac{4}{17}$ B. $\frac{6}{17}$ C. $-\frac{16}{17}$ D. $-\frac{3}{17}$

Câu 5. Quan sát trục số sau và cho biết điểm A biểu diễn số hữu tỉ nào?



- A. $\frac{2}{3}$ B. $\frac{4}{5}$ C. $\frac{5}{6}$ D. $\frac{7}{8}$

Câu 6. Trong các mệnh đề sau, mệnh đề nào **sai**?

- A. $\frac{-19}{21} > \frac{-17}{21}$ B. $\frac{31}{15} < \frac{10}{3}$ C. $-0,25 = \frac{1}{-4}$ D. $3\frac{2}{5} > 2\frac{4}{5}$

Câu 7. Kết quả của phép tính $\left[\left(-\frac{1}{2} \right)^3 \right]^6$ dưới dạng lũy thừa là

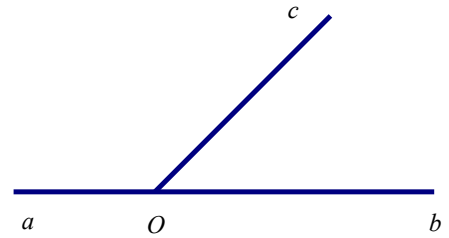
- A. $\left(-\frac{1}{2} \right)^3$ B. $\left(-\frac{1}{2} \right)^{18}$ C. $\left(-\frac{1}{2} \right)^9$ D. $\left(-\frac{1}{2} \right)^2$

Câu 8. Cho số hữu tỉ $x = \frac{n-2023}{2024}$. Với giá trị nào của n thì x không là số âm, cũng không là số dương?

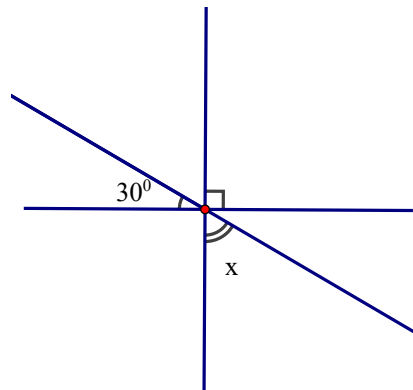
- A. $n < 2023$ B. $n = 2023$ C. $n > 2023$ D. $n = \frac{2023}{2024}$

Câu 9: Cho hình vẽ bên. Khẳng định nào sau đây là **SAI**?

- A. Hai góc aOc và cOb là hai góc kề nhau
- B. Hai góc aOc và cOb là hai góc bù nhau
- C. Hai góc aOc và cOb là hai góc kề nhau và có tổng số đo bằng 90°
- D. Hai góc aOc và cOb là hai góc kề nhau và có tổng số đo bằng 180°

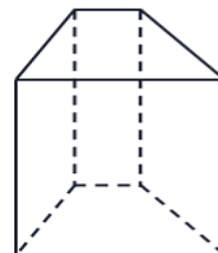
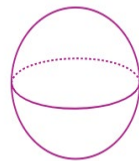
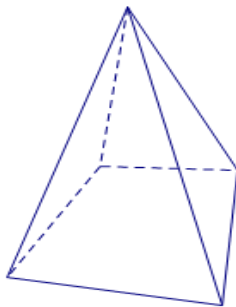


Câu 10. Tìm số đo x trong hình vẽ dưới đây.



- A. 90°
- B. 60°
- C. 45°
- D. 30°

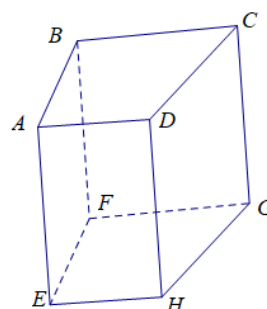
Câu 11. Hình nào sau đây là hình lăng trụ đứng tứ giác?



- A. Hình 1
- B. Hình 2
- C. Hình 3
- D. Hình 4

Câu 12. Quan sát hình lăng trụ đứng tứ giác ABCD.EFGH sau. Hai đáy của hình lăng trụ đứng tứ giác ABCD.EFGH là:

- A. ABCD và EFGH
- B. ABCD và ABFE
- C. ABCD và DCGH
- D. EFGH và DCGH



II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1 (2,5 điểm). Thực hiện phép tính (hợp lý nếu có thể)

a) $\frac{5}{4} + \frac{-11}{20} + \frac{7}{5}$

b) $\left(\frac{-1}{2}\right)^2 \cdot \frac{-13}{19} + \frac{-6}{19} \cdot \left(\frac{-1}{2}\right)^2$

c) $\frac{39}{5} + \left(\frac{9}{4} - \frac{9}{5}\right) - \left(\frac{5}{4} + 1\frac{6}{7}\right)$

Bài 2 (2 điểm). Tìm x, biết

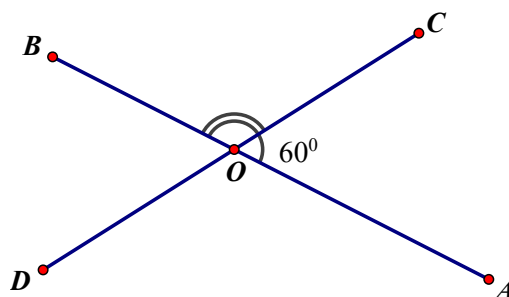
a) $x - \frac{2}{13} = 0,25$

b) $2x + \frac{2}{3} = -0,2$

c) $\left(3x + \frac{1}{5}\right)^2 = \frac{9}{25}$

Bài 3. (0,5 điểm) Cho hình vẽ bên.

Tính góc $\widehat{BOC}$ biết $\widehat{AOC} = 60^\circ$.



Bài 4. (1,5 điểm). Một bể bơi có dạng một hình hộp chữ nhật có chiều dài 12 m; chiều rộng 5 m; chiều sâu 2,5 m.

a) Tính diện tích xung quanh thành bể bơi.

b) Hỏi người thợ phải dùng bao nhiêu viên gạch men để lát xung quanh thành bể đó? Biết rằng mỗi viên gạch men có chiều dài 25 cm, chiều rộng 20 cm và diện tích mặt vữa lát không đáng kể.

Bài 5. (0,5 điểm). So sánh $A = \frac{7^{2011} + 12}{7^{2012} + 12}$ và $B = \frac{7^{2023} + 12}{7^{2024} + 12}$

----- HẾT -----

Môn: Toán 7 - Mã đề 703

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	A	A	B	C	A	B	B	C	B	D	A

Bài	Lời giải	Điểm
1 (2,5 điểm)	a) $\frac{5}{4} + \frac{-11}{20} + \frac{7}{5}$ $= \frac{25}{20} + \frac{-11}{20} + \frac{28}{20}$ $= \frac{42}{20} = \frac{21}{10}$	0,5đ 0,5đ
	b) $\left(\frac{-1}{2}\right)^2 \cdot \frac{-13}{19} + \frac{-6}{19} \cdot \left(\frac{-1}{2}\right)^2$ $= \frac{1}{4} \cdot \frac{-13}{19} + \frac{-6}{19} \cdot \frac{1}{4}$ $= \frac{1}{4} \cdot \left(\frac{-13}{19} + \frac{-6}{19}\right)$ $= \frac{1}{4} \cdot (-1) = \frac{-1}{4}$	0,5đ 0,5đ
	c) $\frac{39}{5} + \left(\frac{9}{4} - \frac{9}{5}\right) - \left(\frac{5}{4} + 1\frac{6}{7}\right)$	0,25đ

	$= \frac{39}{5} + \frac{9}{4} - \frac{9}{5} - \frac{5}{4} - 1\frac{6}{7}$ $= \left(\frac{39}{5} - \frac{9}{5}\right) + \left(\frac{9}{4} - \frac{5}{4}\right) - 1\frac{6}{7}$ $= 6 + 1 - 1\frac{6}{7}$ $= 7 - \frac{13}{7} = \frac{36}{7}$	0,25đ
2 (2 điểm)	a) $x - \frac{2}{13} = 0,25$ $x = \frac{1}{4} + \frac{2}{13}$ $x = \frac{13}{52} + \frac{8}{52}$ $x = \frac{21}{52}$ Vậy $x = \frac{21}{52}$	0,25đ 0,25đ
	b) $2x + \frac{2}{3} = -0,2$ $2x + \frac{2}{3} = \frac{-1}{5}$ $2x = \frac{-1}{5} - \frac{2}{3}$ $2x = \frac{-13}{15}$ $x = \frac{-13}{15} : 2$ $x = \frac{-13}{30}$ Vậy $x = \frac{-13}{30}$	0,25đ 0,25đ
	c) $\left(3x + \frac{1}{5}\right)^2 = \frac{9}{25}$ $\left(3x + \frac{1}{5}\right)^2 = \left(\frac{3}{5}\right)^2 = \left(\frac{-3}{5}\right)^2$	

	$*TH1: 3x + \frac{1}{5} = \frac{3}{5}$ $3x = \frac{3}{5} - \frac{1}{5}$ $3x = \frac{2}{5}$ $x = \frac{2}{5} : 3$ $x = \frac{2}{15}$ $*TH2: 3x + \frac{1}{5} = \frac{3}{5}$ $3x = \frac{-3}{5} - \frac{1}{5}$ $3x = \frac{-4}{5}$ $x = \frac{-4}{5} : 3$ $x = \frac{-4}{15}$ Vậy $x = \frac{2}{15}$ hoặc $x = \frac{-4}{15}$	0,5đ
3 (0,5 điểm)	Có: $\widehat{BOC}$ và $\widehat{AOC}$ là 2 góc kề bù nên $\widehat{BOC} + \widehat{AOC} = 180^\circ$ $\widehat{BOC} + 60^\circ = 180^\circ$ $\widehat{BOC} = 180^\circ - 60^\circ$ $\widehat{BOC} = 120^\circ$	0,5 đ
4 (1,5 điểm)	a) Diện tích xung quanh của bể bơi là: $2.(12 + 5).2,5 = 85 \text{ (m}^2\text{)}$ b) Đổi: $85 \text{ (m}^2\text{)} = 850000 \text{ (cm}^2\text{)}$ Diện tích một viên gạch men là: $25.20 = 500 \text{ (cm}^2\text{)}$ Số viên gạch men dùng để lát xung quang thành bể là: $850000 : 500 = 1700 \text{ (viên gạch)}$ Đáp số: 1700 viên gạch	1đ 0,5đ

I. MỤC TIÊU**1. Kiến thức:**

Kiểm tra toàn bộ kiến thức từ tuần 1 đến hết tuần 6:

- Tập hợp $\mathbb{Q}$ các số hữu tỉ; các phép tính về số hữu tỉ; lũy thừa; thứ tự thực hiện phép tính, ...
- Hình học trực quan: Hình Hộp chữ nhật, hình lập phương, hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.
- Các góc ở vị trí đặc biệt.

2. Về năng lực: Góp phần phát triển các năng lực:

- Năng lực tư duy và lập luận toán học.
 - + Thực hiện được các phép toán.
 - + Thực hiện được các phép tính về lũy thừa.
- Năng lực mô hình hóa toán học: Vận dụng được công thức tính thể tích của hình lập phương, hình hộp chữ nhật giải toán, tính toán được các góc.

3. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ: có ý thức vận dụng kiến thức đã học để làm bài kiểm tra đánh giá, giải quyết vấn đề thực tiễn.
- Trung thực: khách quan, công bằng, đánh giá chính xác năng lực học sinh.
- Trách nhiệm: có ý thức trách nhiệm trong công việc, có trách nhiệm với bản thân trong việc hoàn thành bài kiểm tra.

II. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**1. Số lượng, dạng thức, thời gian**

- + Số lượng đề: 03.
- + Thời gian làm bài: 90 phút.
- + Hình thức: 30% Trắc nghiệm – 70% Tự luận

2. Ma trận đề kiểm tra:

T T	Chủ đề	Nội dung / Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Số hữu tỉ	Tập hợp Q các số hữu tỉ	4TN Câu 2; 3; 5; 6 1đ		1TN Câu 7 0,25đ					1TL Bài 5 0,5đ	17,5%
		Các phép tính về số		1TL	1TN	2TL		1TL			27,5%

		hữu tỉ. Thứ tự thực hiện phép tính. Quy tắc dấu ngoặc		Bài 1a 1đ	Câu 1 0,25đ	Bài 2a, b 1đ		Bài 1c 0,5đ			
		Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của 1 số hữu tỉ	2TN Câu 4; 8 0,5đ	1TL Câu 1b 1đ				1TL Câu 2c 1đ			25%
2	Hình học trực quan	Hình hộp chữ nhật. Hình lập phương				1TL Bài 4a 1đ				1TL Bài 4b 0,5đ	15%
		Hình lăng trụ đứng tam giác. Hình lăng trụ đứng tứ giác.	2TN Câu 10;11 0,5đ								5 %
3	Góc. Đường thẳng song song	Góc ở vị trí đặc biệt			2TN Câu 9;12 0,5đ			1TL Bài 3 0,5đ			10%
Tổng			6	2	2	5		3		2	22
Tỉ lệ %			40%		30%			20%		10%	100%
Tỉ lệ chung			70%				30%			100%	

III. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

T T	Chủ đề	Nội dung đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Số hữu tỉ	Tập hợp Q các số hữu tỉ	Nhận biết: – Nhận biết được số hữu tỉ, số hữu tỉ âm, số hữu tỉ dương - Nhận biết được số hữu tỉ trên trục số, số hữu tỉ lớn hơn, bé hơn	4 (TN 2; 3; 5; 6)	1 (TN 7)		1 (TL 5)

			Thông hiểu: - Hiểu được cách xác định một số hữu tỉ Vận dụng cao - Vận dụng kĩ năng so sánh 2 phân số để giải quyết bài toán.				
		Các phép tính về số hữu tỉ. Thứ tự thực hiện phép tính. Quy tắc dấu ngoặc	Nhận biết: – Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính. Thông hiểu: - Hiểu được quy tắc chuyển vế, tìm thành phần chưa biết. Vận dụng: – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán.	1 (TL1a)	1 (TN 1) 2 (TL2a, b)	1 (TL1c)	
		Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của 1 số hữu tỉ	Nhận biết: - Biết tính toán lũy thừa của 1 số hữu tỉ. Vận dụng: - Thực hiện phép tính nhân chia 2 lũy thừa cùng cơ số chính xác. - Vận dụng đưa 1 số hữu tỉ thành lũy thừa của một số để áp dụng bài toán tìm thành phần chưa biết.	2 (TN4,8) 1 (TL1b)		1 (TL2c)	
2	Hình học trực quan	Hình hộp chữ nhật. Hình lập phương	Thông hiểu: – Khi đầu bài cho biết độ dài của chiều dài, chiều rộng, chiều cao thì tính được thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương. Vận dụng cao: -Vận dụng linh hoạt các công thức tính thể tích, diện tích xung quanh vào bài toán thực tế, biết áp dụng		1 (TL4a)		1 (TL4b)

			công thức xuôi ngược (cho thể tích tìm chiều cao...)				
		Hình lăng trụ đứng tam giác. Hình lăng trụ đứng tứ giác.	Nhận biết: – Nhận biết được đâu là hình lăng trụ tam giác, tứ giác - Nhận biết được các mặt xung quanh, mặt đáy, các cạnh bên hình lăng trụ bằng cách đọc tên.	2 (TN 10;11)			
3	Góc. Đường thẳng song song	Góc ở vị trí đặc biệt	Nhận biết: – Nhận biết 2 góc ở vị trí đặc biệt (kề bù, phụ nhau, kề nhau, đối đỉnh)		2 (TN 9;10)	1 (TL 3)	

BGH DUYỆT

TTCM

NCTM

NGƯỜI LẬP

Đào Thị Thanh Loan

Nguyễn Thu Huyền

Hoàng Hà My